

Chương 4. ƯU ĐÃI XÃ HỘI

I. KHÁI NIỆM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ƯU ĐÃI XÃ HỘI

1.1 Khái niệm

Ưu đãi xã hội không phải là một vấn đề mới mẻ. Nó đã mà lịch sử từ hàng ngàn năm nay. Nhưng hiểu cho đúng khái niệm ưu đãi xã hội và những đối tượng được ưu đãi xã hội là một vấn đề không đơn giản. Cho đến nay, phần lớn các nhà kinh tế và các nhà hoạt động xã hội đều thống nhất cho rằng: Ưu đãi xã hội là sự đãi ngộ đặc biệt cả về vật chất và tinh thần của Nhà nước và xã hội nhằm ghi nhận và đền đáp công lao đối với những cá nhân hay tập thể mà những cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và xã hội. Nếu thực hiện tốt ưu đãi xã hội sẽ mà những vai trò rất tích cực, thể hiện như sau:

Giáo dục cho thế hệ trẻ, thế hệ tương lai ý thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp của dân tộc.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội sẽ góp phần ổn định xã hội, giữ vững thể chế chính trị. Đây là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế. Nếu thực hiện không tốt chính sách này sẽ dẫn đến mất ổn định xã hội, làm ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội và sự tồn vong của đất nước.

Thực hiện ưu đãi xã hội là góp phần thực hiện chính sách con người của quốc gia, thể hiện truyền thống đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây". Thực hiện ưu đãi xã hội không chỉ là sự bảo vệ, giúp đỡ mà còn thể hiện nghĩa vụ trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội đối với người đó mà cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và xã hội. Chính vì vậy, chính sách ưu đãi xã hội luôn mà vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở mỗi quốc gia. Nước ta, ưu đãi xã hội luôn được coi là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Khi đất nước đã bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế nhưng các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta bằng các hoạt động và các thủ đoạn diễn biến hoà bình. Trước những biến đổi những tác động từ mặt trái cơ chế thị trường, thực hiện chính sách ưu đãi xã hội là việc làm mà ý nghĩa rất lớn.

Chính sách ưu đãi xã hội thực chất là chính sách đền ơn đáp nghĩa, là thực hiện nghĩa vụ công dân và thực hiện công bằng xã hội. Khi đất nước mà chiến tranh, thực hiện chính sách ưu đãi xã hội là thực hiện chính sách hậu phương quân đội, ở hậu phương đã thay mặt các chiến sĩ chăm sóc chu đáo những người thân yêu của họ, làm an lòng các chiến sĩ nơi tiền tuyến. Chính sách ưu đãi xã hội đã góp phần không nhỏ, hun đúc ý chí quyết tâm, tinh thần dũng cảm của người lính và đã góp phần tạo nên thắng lợi huy hoàng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Nhờ thực hiện tốt chính sách ưu đãi xã hội của Đảng và Nhà nước, nên chúng ta đã giáo dục sâu sắc ý thức, đạo đức của các thế hệ con cháu về lòng kính trọng, sự hy sinh vô bờ bến của những người có công, giáo dục truyền thống anh hùng cách mạng của lớp cha anh đi trước cho thế hệ trẻ, cổ vũ thế hệ trẻ tiếp bước cha anh giữ gìn Tổ quốc thiêng liêng mà cha anh đã hy sinh xương máu mới giành lại được.

Chính sách ưu đãi xã hội không phải là sự đền bù những hy sinh của người có công mà là sự đền ơn đáp nghĩa không chỉ là vật chất thuần túy mà còn hàm chứa trong đã là cả đạo lý, truyền thống nhân văn của dân tộc; là lòng kính trọng, biết ơn sâu sắc của nhiều thế hệ hôm nay và mai sau đối với những người đã hy sinh vì đại nghĩa, vì dân tộc. Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội còn mà ý nghĩa động viên những người có công và gia đình họ tiếp tục nỗ lực vươn lên xứng đáng là người cách mạng, gia đình cách mạng gương mẫu, nó cũng góp phần tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi thành viên trong xã hội.

1.2 Mục đích của ưu đãi xã hội

Mục đích của ưu đãi xã hội là đầu tư xã hội, nhằm tái sản xuất những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc, là mục tiêu chính trị xã hội quan trọng của mỗi nước. Mục đích này mà thể được cụ thể hóa như sau:

Ưu đãi xã hội nhằm ghi nhận và tri ân những cá nhân hay tập thể đã mà những cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và cho đất nước.

Nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vì ai cống hiến nhiều cho xã hội, người đó phải được hưởng nhiều, đây là sự cống hiến đặc biệt bằng cả xương máu.

Tái sản xuất những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc và giáo dục truyền thống cho những thế hệ tương lai.

Đảm bảo ổn định thể chế chính trị của Nhà nước.

Nước ta, ưu đãi xã hội là một quốc sách truyền thống của Đảng và Nhà nước. Đi đôi với chiến lược phát triển kinh tế, luôn luôn mà chính sách giải quyết các vấn đề xã hội. Chiến lược đã đặt trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Mà chiến lược phát triển kinh tế tốt sẽ tạo ra tiền đề, điều kiện giải quyết các vấn đề xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN về ƯU ĐÃI XÃ HỘI

Tùy theo những thể chế chính trị khác nhau mà quan điểm về ưu đãi xã hội cũng mà sự khác nhau. Tuy nhiên, các nhà chính trị và các nhà xã hội học đều thống nhất cho rằng, khi ban hành và thực hiện chính sách ưu đãi xã hội phải tuân theo một số quan điểm sau đây:

Quan điểm 1: ưu đãi xã hội là một chính sách xã hội đặc biệt quan trọng trong hệ thống các chính sách an sinh xã hội ở mỗi quốc gia.

Đây là quan điểm đầu tiên và phụ thuộc nhiều vào thể chế chính trị ở mỗi nước. Tất cả mọi người với tư cách là thành viên của xã hội, không phân biệt tôn giáo, dân tộc, màu da... nếu mà những cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và xã hội, đều được hưởng ưu đãi xã hội. Sự cống hiến của họ cả trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc và trong xây dựng phát triển đất nước. Sự cống hiến của họ mà thể bằng cả cuộc đời, cả gia đình họ. Vì thế, đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội là đối tượng xứng đáng được hưởng thụ, được Nhà nước và xã hội bù đắp và sự hưởng thụ này phải theo một chế độ rõ ràng, được thể chế hoá thành pháp luật, thành chính sách.

Mặt khác, mục đích chủ yếu của chính sách ưu đãi xã hội là nhằm ghi nhận và bù đắp cả về vật chất và tinh thần cho những người đó có công với đất nước, giúp cho bản thân và gia đình họ ổn định cuộc sống, góp phần ổn định xã hội và thể chế chính trị của Nhà nước. Do vậy, thực hiện ưu đãi xã hội không chỉ là vấn đề đạo lý, là truyền thống tốt đẹp mà còn là vấn đề chính trị, tư tưởng, vấn đề kinh tế xã hội ở mỗi nước.

Quan điểm 2: Ưu đãi xã hội là việc đầu tư xã hội nhằm tái sản xuất những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc.

Thực hiện ưu đãi xã hội bằng những chính sách và phương pháp cụ thể mà tác dụng vừa trực tiếp, vừa gián tiếp giáo dục sâu sắc ý thức trách nhiệm công dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ tương lai. Hơn nữa, một trong những mục tiêu của ưu đãi xã hội là góp phần củng cố thể chế chính trị của Nhà nước, do vậy, thực hiện ưu đãi xã hội không những chỉ là đền ơn đáp nghĩa mà còn mà tác dụng sâu sắc đối với thế hệ con cháu về lòng ơn nghĩa, "uống nước nhớ nguồn". Kính trọng sự hy sinh to lớn của những người có công với dân, với nước, góp phần xây dựng truyền thống đẹp đẽ của dân tộc; góp phần ổn định và phát triển xã hội.

Quan điểm 3: Ưu đãi xã hội không phải là sự ban ơn mà là thực hiện hiện công bằng xã hội

Ưu đãi xã hội là trách nhiệm đặc biệt chứ không phải là sự ban ơn, bố thí hay chỉ trông chờ vào lòng hảo tâm của các cá nhân, các tổ chức trong một sớm, một chiều, khi mà khi không. Đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội là đối tượng xứng đáng được hưởng thụ, được xã hội bù đắp nhưng là sự hưởng thụ theo một chế độ rõ ràng, được thể chế hoá thành pháp luật, thành chính sách. Đồng thời, ưu đãi xã hội phải được xem xét và giải quyết trên quan điểm đảm bảo công bằng xã hội, công bằng trong cả ưu đãi vật chất và ưu đãi về tinh thần.

Trong nền kinh tế thị trường, việc Phân phối của cải vật chất chủ yếu theo nguyên tắc phân phối theo lao động và kết quả lao động. Nhưng với đối tượng ưu đãi xã hội thì nguyên tắc hưởng thụ mang tính đặc biệt. Quan điểm công bằng xã hội ở đây là mà sự hy sinh, cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và xã hội thì Nhà nước và xã hội phải có trách nhiệm vật chất và tinh thần với họ.

Những gờ mà những người có công với đất nước đã cống hiến, hy sinh là vô giá. Những gờ mà họ đã mất đi đều không thể lấy được hoặc ít mà khả năng lấy lại được và đã cũng chính là những gờ mà xã hội mà được. Bởi vậy, họ xứng đáng được hưởng chính sách ưu đãi của xã hội theo một chế độ thích đáng. Thực chất, đây là lẽ công bằng xã hội, điều này cũng phải được xem xét như một nội dung quan trọng của tái sản xuất sức lao động xã hội. Trong đó, quan trọng nhất và mà ý nghĩa nhất là tái sản xuất những giá trị tinh thần, lý tưởng và truyền thống tốt đẹp.

Thực hiện công bằng trong ưu đãi xã hội là thực hiện phân phối lại tổng sản phẩm quốc nội. Đồng thời, đây không phải là việc riêng của Nhà nước, Do đó cần mà sự kết hợp của Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội và các cá nhân cùng tham gia.

Quan điểm 4 Thực hiện ưu đãi xã hội là trách nhiệm của cả Nhà nước và toàn dân.

Đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội là những đối tượng đã mà những cống hiến đặc biệt cho cộng đồng và xã hội. Họ mà thể cống hiến cả cuộc đời mình, gia đình mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, cho không chỉ một người, một địa phương, mà là cho toàn dân, cho thế hệ hôm nay và cả thế hệ mai sau. Do đó, trách nhiệm thực hiện ưu đãi xã hội phải là trách nhiệm của Nhà nước, của toàn dân và toàn xã hội. Nhà nước là chủ thể chính thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Bởi vì, nếu Nhà nước phó thác trách nhiệm này cho địa phương thực hiện (chẳng hạn như Nhà nước giao cho tỉnh, thành phố; tỉnh, thành phố lại giao trách nhiệm cho các quận, huyện; còn quận, huyện thì phó thác trách nhiệm cho các xã, phường...) sẽ dẫn đến sự bế tắc trong quá trình thực hiện ưu đãi xã hội. Bởi vậy, các cơ sở phải tự điều tiết, tự xoay sở nguồn tài chính để thực hiện, mà khả năng của cơ sở thì mỗi nơi mỗi khác và rất hạn chế. Do vậy, khi thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cần phải quy tụ vào một đầu mối. Đầu mối đã phải thể hiện được trách nhiệm của cả cộng đồng xã hội, vừa đại diện được trách nhiệm của toàn dân, vừa phát huy được lòng nhân ái, tính cộng đồng, tình cảm tốt đẹp của địa phương. Đầu mối đã phải là Nhà nước.

III. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI XÃ HỘI

Nếu nhìn nhận trên một phạm vi rộng thì đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, mà hai nhóm đối tượng sau đây thường được hưởng chính sách ưu đãi xã hội.

3.1 Những người mà công hiến đặc biệt trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3.1.1. Liệt sĩ và gia đình liệt sĩ

Liệt sĩ là những người đó hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của nhân dân được Nhà nước trao tặng Bằng tổ quốc ghi công, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu

Trực tiếp đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận mà tổ chức với địch

Hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tra tấn vẫn không chịu khuất phục, kiên quyết đấu tranh hoặc thực hiện chủ trương vượt tù, vượt ngục mà hy sinh

Làm nghĩa vụ quốc tế

Đấu tranh chống tội phạm

Dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng, an ninh, dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân

Do ốm đau, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ quốc phòng an ninh ở địa bàn mà điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Thương binh chết vì vết thương tái phát.

Trong tiềm thức của con người luôn tồn tại truyền thống hết sức tốt đẹp "ăn quả nhớ người trồng cây"; đặc biệt là sự tôn vinh, lòng biết ơn đối với những người đó hy sinh, công hiến cả cuộc đời mình vì sự tồn vong của cộng đồng và xã hội. Để đền đáp công lao đã, Nhà nước và xã hội đã hết sức trân trọng và chăm sóc những thân nhân, những người ruột thịt của họ. Đã chính là sức mạnh tinh thần tiềm ẩn của lòng yêu nước, để các thế hệ nối tiếp nhau công hiến bảo vệ giang sơn, đất nước.

Gia đình liệt sĩ là những người mà quan hệ gắn bó, ruột thịt với liệt sĩ như vợ hoặc chồng, con, cha mẹ đẻ và những người thực sự có công nuôi dưỡng liệt sĩ. Người có công nuôi dưỡng liệt sĩ là người đó thật sự nuôi dưỡng liệt sĩ trong một thời gian nhất định khi liệt sĩ còn nhỏ tuổi, chưa hoàn toàn tự lập được cuộc sống.

3.1.2 Thương binh và bệnh binh

Thương binh là những người thuộc lực lượng vũ trang, bị thương dẫn đến bị suy giảm khả năng lao động do chiến đấu, hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu; hoặc đã dũng cảm làm nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm vì lợi ích của cộng đồng và xã hội như: Bị địch bắt, tra tấn vẫn không chịu khuất phục kiên quyết đấu tranh và bị thương tích trên thân

thể; làm nghĩa vụ quốc tế; đấu tranh chống tội phạm; dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ quốc phòng, an ninh; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân... Quyền được ưu đãi đối với thương binh gắn liền với sự kiện xảy ra thương tật, trong những hoàn cảnh nhất định. Bệnh binh là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do điều kiện chiến đấu và hoàn cảnh sinh hoạt thiếu thốn, gian khổ, khi xuất ngũ về gia đình được cơ quan, đơn vị mà thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bệnh binh.

3.1.3 Những người tham gia hoạt động cách mạng

Những người tham gia hoạt động cách mạng bao gồm:

Những người lấy sự nghiệp giải phóng dân tộc làm sự nghiệp của cả cuộc đời mình. Cả cuộc đời họ hiến dâng cho độc lập, tự do của đất nước, của cộng đồng và xã hội, họ không màng sự nghiệp nào khác.

Những người tham gia các hoạt động giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, họ không thoát ly, không màng lương.

Những người tham gia hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đầy không khai báo mà hại cho cách mạng, không làm tay sai cho địch.

Những người tham gia công tác chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu mà trong điều kiện gian khổ, khốc liệt đã làm họ bị suy giảm sức khỏe, suy giảm khả năng lao động, sinh con dị dạng, dị tật hoặc vô sinh do hậu quả của chất độc hóa học...

Nhà nước và xã hội sẽ đời đời nhớ ơn và tùy theo khả năng của mình để đền đáp những công lao của họ một cách tương xứng.

3.2 Những người mà cống hiến đặc biệt trong công cuộc xây dựng đất nước

Họ là những người đó mà cống hiến đặc biệt trong mọi lĩnh vực của cuộc sống như trong nghiên cứu khoa học, trong lao động sản xuất, trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao... Họ là những nhà khoa học, bác học đã mà những công trình khoa học ứng dụng vào cuộc sống; họ là những anh hùng lao động mà những đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế đất nước; hay là những nghệ nhân, nghệ sỹ, kiện tướng... đã làm rạng danh cho đất nước. Tất cả những danh hiệu mà Nhà nước và xã hội phong tặng cho họ đều nhằm ghi nhận và tri ân những đóng góp đặc biệt của họ cho cộng đồng và xã hội.

IV. CÁC HÌNH THỨC ƯU ĐÃI XÃ HỘI

Người được ưu đãi xã hội là những người đó hy sinh xương máu, hy sinh một phần thân thể hoặc mà những cống hiến đặc biệt cho sự nghiệp vẻ vang của đất nước. Công lao của họ hết sức to lớn, sự hy sinh của họ là vô giá không gì mà thể bù đắp được. Việc trợ cấp cho các đối tượng có công không chỉ thể hiện sự biết ơn của Nhà nước và

xã hội đối với họ mà còn là sự ghi nhận công lao của họ trong quá trình bảo vệ và dựng xây đất nước. Để đảm bảo cho người có công và gia đình họ mà cuộc sống ổn định cả về vật chất và tinh thần, giúp họ mà cuộc sống thanh thản, thoải mái, khi thực hiện ưu đãi xã hội, các nước thường vận dụng cả hai hình thức: ưu đãi về vật chất và ưu đãi về tinh thần.

4.1 Ưu đãi về vật chất

Hình thức ưu đãi này thường được thực hiện như sau:

Trợ cấp bằng tiền cho các đối tượng hưởng ưu đãi xã hội như: Trợ cấp mai táng phí; trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với thương bệnh binh tùy thuộc vào mức độ suy giảm khả năng lao động; trợ cấp tiền tuất hàng tháng, trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ, người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ không mà nơi nương tựa, con liệt còn nhỏ...

Trợ cấp bằng hiện vật cho các đối tượng hưởng ưu đãi xã hội như: xây nhà tình nghĩa, cải thiện nhà ở, quà tặng.

Trợ cấp nghỉ dưỡng, an dưỡng, tham quan du lịch, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng; mua bảo hiểm y tế; trợ giúp con cái của những người có công bằng những suất học bổng, học phí.

Ưu tiên giao hoặc thuê đất, vay vốn ưu đãi để sản xuất, miễn hoặc giảm thuế, miễn nghĩa vụ lao động công ích theo quy định của pháp luật...

4.2 Ưu đãi về tinh thần

Cùng với ưu đãi về vật chất để bảo đảm đời sống và chăm sóc sức khỏe, thì ưu đãi về tinh thần cho các đối tượng cũng cần được quan tâm, đặc biệt là những người bị thương tổn về mặt thể chất như thương binh, bệnh binh nặng; những người bị thương tổn về tinh thần như gia đình liệt sĩ. Họ rất cần được chăm sóc về tinh thần để tránh những mặc cảm, tự ti vì thương tật, vì sức khỏe, vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Đồng thời, qua đó cũng thể hiện sự ghi nhớ công ơn, tri ân của các thế hệ đối với những người đó có công dựng xây và bảo vệ tổ quốc.

Hình thức ưu đãi này thường được thực hiện theo các dạng sau đây:

Tặng bằng khen, huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; phong tặng các danh hiệu như: Bà mẹ Việt nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang Anh hùng lao động, chiến sỹ thi đua toàn quốc, nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, kiện tướng thể thao...

Tặng bằng tổ quốc ghi công hoặc bằng có công với nước cho các đối tượng và gia đình người có công Dựng tượng đài người có công

Dùng tên của người có công để đặt tên phố, tên các giải thưởng, tên trường học, bệnh viện, nhà hát, các công trình công cộng.

Ưu tiên con em các đối tượng có công trong tuyển sinh giáo dục và đào tạo, ưu tiên giải quyết việc làm

Ngoài ra, việc tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề, các câu lạc bộ, sinh hoạt văn hóa văn nghệ cho người có công, đặc biệt là các lão thành cách mạng, các đối tượng tham gia đấu tranh bảo vệ tổ quốc đã về nghỉ hưu cũng là việc làm mà ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Trong các buổi giao lưu đã, chẳng những tình đồng chí, đồng đội được gắn bó mà họ còn trao đổi kinh nghiệm làm ăn, giúp nhau về vốn để làm giàu và cùng nhau vươn tới cuộc sống tốt đẹp.

V. TÀI CHÍNH ƯU ĐÃI XÃ HỘI

5.1 Nguồn tài chính

Nguồn tài chính để thực hiện chính sách ưu đãi xã hội mà thể bao gồm:

Ngân sách Nhà nước: bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Đây là nguồn tài chính chủ yếu để thực hiện ưu đãi bằng hình thức vật chất.

Sự đóng góp của các tổ chức kinh tế xã hội, của các cá nhân. Đây là nguồn tài chính rất quan trọng để thực hiện ưu đãi xã hội. Do đó phải được quản lý một cách chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích.

Đóng góp của bản thân các đối tượng. Họ góp tiền để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho những gia đình có công hoặc đi tìm mộ liệt sĩ...

5.2 Quản lý và sử dụng nguồn tài chính ưu đãi xã hội

5.2.1 Đối với nguồn tài chính do Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương cung cấp

Ngân sách Trung ương bảo đảm nguồn tài chính để thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công. Cơ quan tài chính Kho bạc Nhà nước cấp phát đầy đủ, kịp thời nguồn tài chính theo kế hoạch cho cơ quan Lao động Thương binh và xã hội.

Ngành Lao động Thương binh và xã hội chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với ngành tài chính quản lý nguồn tài chính ưu đãi đối với người có công và tổ chức thực hiện việc chi trả các chế độ ưu đãi thuộc phạm vi ngành quản lý theo đúng mục đích, đúng đối tượng. Nguồn tài chính để thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công do Bộ Tài chính cấp uỷ quyền cho các Sở Tài chính vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để chuyển cho Sở lao động Lao động Thương binh và xã hội theo dự toán của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Hàng quý, Bộ Lao động Thương binh và xã hội lập dự toán chi tiết về kinh phí chi đối với người có công, sau đã gửi Bộ Tài chính làm căn cứ xây dựng dự toán và cấp phát.

Nguồn tài chính do ngân sách Trung ương cấp thông thường được dùng vào các mục đích:

Chi trợ cấp ưu đãi một lần và hàng tháng cho các đối tượng hưởng ưu đãi xã hội . Chi các chế độ ưu đãi khác như: trợ cấp mai táng phí; chi lễ báo tử cho gia đình liệt sỹ; trợ cấp thờ cúng liệt sỹ; trợ cấp tuất đối với vợ liệt sỹ tái giá, chi làm mộ và nghĩa trang liệt sỹ...

Chi phí giám định và điều trị thương tật cho thương binh, bệnh binh; mua sắm dụng cụ chỉnh hình; điều trị điều dưỡng cho thương binh, bệnh binh nặng và người có công.

Chi quà tặng nhân dịp lễ tết

Chi hỗ trợ thương binh nặng về gia đình

Chi in biểu mẫu giấy tờ, bằng khen...

Chi phí hoạt động của các trung tâm chăm sóc, điều dưỡng thương binh, bệnh binh như: sửa chữa nhà, cơ sở hạ tầng của trung tâm; mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ thương bệnh binh; chi tiền tàu xe cho thương binh ở các khu điều dưỡng về thăm gia đình; chi phí dân tiếp gia đình thương binh, bệnh binh; chi phí mua sách báo, sinh hoạt văn hoá văn nghệ cho thương bệnh binh trong trung tâm; chi công tác quản lý của trung tâm...

Nguồn tài chính do ngân sách Trung ương cấp được quản lý theo quy định của Nhà nước, bao gồm các bước:

Bước 1: Dự toán kinh phí

Hàng năm Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trung tâm nuôi dưỡng thương binh nặng thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội lập dự toán kinh phí chi trả cho người có công thuộc đơn vị mình, gửi cho Sở Lao động Thương binh và xã hội .

Sở Lao động Thương binh và xã hội kiểm tra, xét duyệt dự toán kinh phí của các Phòng Lao động Thương binh và xã hội, các trung tâm nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và dự toán chi trả để tổng hợp thành dự toán kinh phí của Sở gửi Bộ Lao động Thương binh và xã hội và Sở tài chính vật giá.

Bộ Lao động Thương binh và xã hội kiểm tra, xét duyệt dự toán kinh phí của các Sở Lao động Thương binh và xã hội tổng hợp thành dự toán kinh phí ngân sách Trung ương uỷ quyền chi trả các chế độ ưu đãi gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính xem xét dự toán kinh phí của Bộ Lao động Thương binh và xã hội để tổng hợp và dự toán ngân sách Nhà nước, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội duyệt. Căn cứ vào dự toán kinh phí đã được Quốc hội và Chính phủ phê duyệt , Bộ Lao động Thương binh và xã hội chủ trì phân bổ kinh phí uỷ quyền chi cho các địa phương, gửi

Bộ Tài chính đề Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo cho các địa phương ngay từ đầu năm kế hoạch. Trên cơ sở kinh phí uỷ quyền chi đã được thông báo cho các tỉnh, thành phố, Bộ Lao động Thương binh và xã hội dự toán chi tiết các nội dung chi cho các đối tượng hưởng ưu đãi và thông báo cho các Sở Lao động Thương binh và xã hội.

Bước 2: Cấp phát kinh phí

Trên cơ sở bản dự toán kinh phí đã được duyệt, Bộ Tài chính, Sở Tài chính Vật giá và Kho bạc nơi Sở Lao động Thương binh và xã hội sẽ giao dịch để làm căn cứ chuyển cấp kinh phí và giám sát theo quy định.

Bước 3: Quyết toán kinh phí

Báo cáo quyết toán kinh phí uỷ quyền chi trả các chế độ ưu đãi xã hội phải thể hiện đầy đủ các khoản chi phí theo đúng nguyên tắc, mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính. Những khoản mua sắm, sửa chữa mà giá trị lớn phải có đầy đủ hồ sơ đấu thầu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Báo cáo quyết toán phải đúng biểu mẫu thuyết minh, xác nhận của kho bạc nơi đơn vị giao dịch và theo đúng trình tự. Phòng Lao động Thương binh và xã hội báo cáo quyết toán gửi Sở. Sở Tổng hợp lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính Vật giá và Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Lao động Thương binh và xã hội thanh tra, quyết toán kinh phí uỷ quyền chi trả các chế độ ưu đãi của Sở Tài chính vật giá và Sở Lao động Thương binh và xã hội.

Trên cơ sở biên bản thẩm định của Liên bộ, Sở Tài chính thông báo quyết toán cho Sở Lao động Thương binh và xã hội. Bộ Tài chính tổng hợp quyết toán kinh phí uỷ quyền chi trả trợ cấp ưu đãi để tổng quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm.

5.2.2 Đối với nguồn tài chính do các tổ chức và cá nhân đóng góp

Nguồn tài chính do dân đóng góp hay còn gọi là quỹ đền ơn đáp nghĩa được thành lập trên cơ sở vận động, ủng hộ của mọi tổ chức và cá nhân để góp phần cùng Nhà nước thực hiện ưu đãi xã hội.

Quỹ đền ơn đáp nghĩa được thành lập ở bốn cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn. Quỹ đền ơn đáp nghĩa không thuộc ngân sách Nhà nước, quỹ được hạch toán và báo cáo theo chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp. Quỹ đền ơn đáp nghĩa được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng, theo dõi các khoản thu, chi của quỹ, quỹ này không cho vay để sinh lời. Kết v của quỹ được hoàn chuyển cho năm sau. Thông thường quỹ được vận động mỗi năm một lần. Tổ chức và cá nhân mà thể ủng hộ nhiều lần trong năm.

Quỹ đền ơn đáp nghĩa ở mỗi cấp mà ban chỉ đạo xây dựng và điều hành. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật về việc tổ chức, quản lý và sử dụng quỹ

đối với quỹ đền ơn đáp nghĩa cấp trung ương hoặc chịu trách nhiệm trước uỷ ban nhân dân cùng cấp đối với quỹ đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh, huyện, xã.

Bộ Lao động Thương binh và xã hội mà trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng quỹ; Bộ Tài chính và Kho bạc mà trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thu, chi quỹ; Mặt trận tổ quốc chủ trì việc vận động xây dựng quỹ, tham gia chỉ đạo quản lý và sử dụng quỹ cùng Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Nguồn quỹ đền ơn đáp nghĩa là do các tổ chức và cá nhân tự nguyện đóng góp, vì vậy phải bảo đảm quản lý và sử dụng theo đúng mục đích, đúng chế độ tài chính kế toán của Nhà nước. Quỹ đền ơn đáp nghĩa được hoạt động theo chế độ kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp và theo quy định hiện hành.

Quỹ đền ơn đáp nghĩa được sử dụng để việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người có công. Cụ thể như sau:

Hỗ trợ người có công xây dựng và sửa chữa nhà ở.

Tu bổ nghĩa trang, xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ; hỗ trợ bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con liệt sĩ đi thăm viếng mộ liệt sĩ mà gia đình khó khăn.

Thăm hỏi người có công khi ốm đau, hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh và khi qua đời, gia đình gặp khó khăn.

Hỗ trợ địa phương mà nhiều người có công thực hiện chính sách ưu đãi xã hội mà nguồn vận động ủng hộ thấp như: vùng nghèo, vùng sâu...

Giúp đỡ người có công khi gặp khó khăn trong cuộc sống; hỗ trợ con thương binh, liệt sĩ trong học tập.

Chỉ cho các hoạt động tuyên truyền, khen thưởng, trong công tác xây dựng quỹ.

Chỉ các hoạt động phục vụ công tác quản lý quỹ như: sổ sách, biên lai thu, chi...

VI. ƯU ĐÃI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

6.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về Ưu đãi xã hội

Do trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh ác liệt, cho nên chính sách ưu đãi xã hội ở Việt Nam chủ yếu thực hiện đối với các đối tượng là những người mà cống hiến đặc biệt trong công cuộc bảo vệ tổ quốc. Họ là những người đó hy sinh cả tính mạng, cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp của dân tộc hoặc họ đã mất mát một phần thân thể hay đang phải chịu hậu quả nặng nề của bom đạn, chất độc hóa học do chiến tranh để lại... Chính sách ưu đãi xã hội luôn được Đảng và Nhà nước ta coi là một quốc sách truyền thống. Qua các thời kỳ, các giai đoạn khác nhau của lịch sử, chính sách ưu đãi xã hội luôn được ban hành và thực hiện theo các quan điểm sau:

Thứ nhất: ưu đãi xã hội đối với người có công vừa là trách nhiệm của Nhà nước vừa là trách nhiệm của toàn dân.

Kế thừa truyền thống ngàn đời dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam anh hùng, với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã quyết chiến đấu theo chân lý "Không gì quý hơn độc lập tự do", dân tộc ta "Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", chấp nhận những thử thách, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh để giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Để giành được những chiến thắng to lớn ấy, hàng triệu chiến sĩ và đồng bào ta đã hy sinh với mưa bom, bão đạn của kẻ thù, hàng triệu người khác bị thương tật hoặc gánh chịu di họa của chiến tranh suốt phần còn lại của cuộc đời. "Ai đếm khăn tang, ai đong máu chiến trường" lời văn bia tại đền tưởng niệm Bến Vạc, Củ chi còn vang mãi, toả sáng ngàn năm. Cả dân tộc Việt Nam sẽ ghi tạc trong tim lòng biết ơn những người đó dùng máu đào "tô thắm lá cờ tổ quốc". Ngay từ ngày thương binh toàn quốc đầu tiên (Ngày 27/07/1947), Bác Hồ đã nêu rõ "Thương binh là những người đó hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ đồng bào... Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy". Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ về trách nhiệm chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng cũng là trách nhiệm và tình cảm của toàn dân đối với họ. Thấu hiểu sự hy sinh mất mát của hàng triệu người con của dân tộc trước khi đi xa, người còn dặn lại: "Đối với những người dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong), Đảng, Chính phủ và đồng bào tìm mọi cách làm cho họ mà nơi ăn, chốn ở yên ổn, đồng thời còn mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để dần dần họ mà thể tự lực cánh sinh.. Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương, thành phố, làng xã cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Đối với cha mẹ, vợ con của thương binh, gia đình liệt sĩ mà hết sức lao động và túng thiếu thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công việc làm thích hợp, quyết không để họ đói rét".

Quan điểm của Bác Hồ về trách nhiệm của Nhà nước và cộng đồng trong việc chăm sóc người có công cũng phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. Hơn nửa thế kỷ qua, Đảng và Nhà nước đã hình thành một hệ thống chính sách ưu đãi xã hội đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Hệ thống chính sách đã luôn được bổ sung, sửa đổi nhằm từng bước cải thiện đời sống của những người có công, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và đời sống chung của nhân dân, đồng thời cũng giải quyết mà kết quả việc đưa hàng chục vạn hài cốt liệt sĩ vào nghĩa trang liệt sĩ. Trong những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh. Như vậy, một

lần nữa Đảng và Nhà nước ta lại khẳng định trách nhiệm, lòng biết ơn sâu sắc của mình đối với những người có công.

Trong báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 của Đảng đã chỉ rõ "Tổ chức tốt việc thi hành pháp lệnh về người có công, bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng mà đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho con em những người có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh. Mở rộng phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ". Sự nhất quán đã còn thể hiện trong Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ban hành ngày 29/8/1994 với tư tưởng chủ đạo: "Tổ quốc và nhân dân ta đời đời nhớ ơn người đó hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc". Pháp lệnh không chỉ luật pháp hoá các nội dung ưu đãi đối với người có công mà còn cải thiện một bước đời sống của các đối tượng này. Thông qua hệ thống chính sách ưu đãi xã hội được quy định tại Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ bao gồm: Chế độ trợ cấp, phụ cấp, chế độ chăm sóc sức khỏe và các ưu đãi về giáo dục đào tạo, về thuế, về ruộng đất và việc làm... đã bao quát hầu hết các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người có công. Đây cũng là những cố gắng lớn thể hiện quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Như vậy mà thể thấy, ngay từ khi mới giành được chính quyền, Đảng, Nhà nước và Bác Hồ đã luôn quan tâm tới những người đó hy sinh xương máu cho nền độc lập, tự do của dân tộc. Đã là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chặng đường cách mạng của dân tộc Việt Nam, là nền tảng tư tưởng, là cơ sở lý luận cho việc hoạch định và hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi xã hội đối với người có công ở nước ta. Nó được cụ thể hoá bằng các nghị định,, quyết định, thông tư, chỉ thị... quy định về chế độ trợ cấp, về tiêu chuẩn, xác nhận người có công. Đồng thời, Nhà nước còn ban hành hàng loạt các chính sách việc làm, đào tạo dạy nghề, chăm sóc sức khỏe, các ưu đãi về ruộng đất, về thuế... Theo thời gian và truyền thống của dân tộc, một phong trào quần chúng sâu rộng với nhiều hình thức phong phú và giải pháp phù hợp với từng địa phương đã góp phần cùng Nhà nước đem lại cho hàng triệu gia đình người có công một cuộc sống ổn định về vật chất, thoải mái về tinh thần.

Thứ hai: Xã hội hoá chăm sóc người có công

Đảng và Nhà nước ta coi việc chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn xã hội. Xã hội hoá công tác chăm sóc người có công là công việc được cả cộng đồng xã hội quan tâm, với trách nhiệm chủ đạo là Nhà nước. Toàn dân chăm sóc người

có công, một công việc vừa là tình cảm, trách nhiệm, vừa là phong trào sâu rộng trong toàn xã hội .

Truyền thống ngàn đời này của dân tộc ta đã được khẳng định, bởi khi cá nhân làm việc nghĩa, họ không bao giờ kể công. Nhưng Nhà nước và cộng đồng cũng không bao giờ quên ơn họ; không bao giờ quên việc báo nghĩa đối với những người đó hy sinh, đã cống hiến vì độc lập, tự do của dân tộc. Bác Hồ đã nói: "Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy".

Tư tưởng này đã thể hiện truyền thống, đạo lý "ăn quả nhớ người trồng cây" của dân tộc ta, từ ngàn xưa, những anh hùng, những người có công với đất nước luôn được tôn thờ, được dựng tượng, được xây đền thờ... Đây chính là tư tưởng, là cội nguồn cơ bản để thực hiện xã hội hoá công tác ưu đãi người có công. Lịch sử cũng đã chứng minh rằng, chỉ có cộng đồng mới mà khả năng thực hiện tốt công tác chăm sóc, giúp đỡ người có công với đất nước. Người có công là người được hưởng thụ sự ưu đãi của cộng đồng, nhưng sự ưu đãi này phải được thể hiện bằng pháp luật và bằng các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước với tư cách là người đại diện cho cộng đồng phải là chủ thể, hoạch định và tổ chức thực hiện pháp luật ưu đãi đối với người có công. Các chế độ ưu đãi của Nhà nước không chỉ thông qua các loại trợ cấp ưu đãi mà còn thông qua các chế độ khác như khám chữa bệnh, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo các hoạt động của đời sống tinh thần, tình cảm của người có công... Nhà nước với chức năng của mình sẽ tổ chức điều hành các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong việc chăm sóc đời sống của người có công.

Tuy nhiên, dù Nhà nước mà cố gắng bao nhiêu, nhưng nếu không mà sự tham gia của cộng đồng thì cũng khó mà thể đáp ứng được các nhu cầu ngày càng tăng trong cuộc sống của người có công. Do vậy, tư tưởng xã hội hoá ở đây còn thể hiện ở chỗ, với sự định hướng của Nhà nước và với truyền thống nhân nghĩa, thuỷ chung, các cấp các ngành cùng toàn thể cộng đồng bằng các hoạt động và các biện pháp thực tiễn cùng nhau góp sức, chăm lo đời sống người có công. Sự góp sức, chăm lo của cộng đồng không chỉ là những vấn đề cơm áo, gạo tiền trước mắt mà còn là nguồn động viên, tiếp sức cho đối tượng có công vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng bệnh tật, vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống, tiếp tục đóng góp cho xã hội . Phát huy truyền thống, đạo lý của dân tộc và từ thực tiễn của đất nước, Nhà nước đã tổ chức, khuyến khích, động viên, phát động phong trào toàn dân chăm sóc người có công và đã đạt được kết quả to lớn, làm phong phú và đầy đủ hơn trong việc chăm sóc, nâng cao đời sống người có công.

Mặt khác, do hoàn cảnh lịch sử để lại, địa phương nào cũng mà người có công với cách mạng, song tỷ lệ phân bố không đồng đều. Những địa phương mà truyền thống cách

mạng, căn cứ địa cách mạng, số người có công rất đông, nhưng những địa phương này lại khó khăn trong phát triển kinh tế. Cho nên, nếu không xã hội hoá công tác chăm sóc người có công thì những địa phương này rất khó khăn trong việc huy động nguồn lực để chăm sóc người có công ở địa phương mình.

Đặc biệt, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước chủ trương xoá bỏ bao cấp trong nhiều lĩnh vực, trong đó mà chính sách ưu đãi đối với người có công. Tư tưởng xã hội hoá, chăm sóc người có công càng cần thiết, để huy động nguồn lực phong phú trong xã hội thực hiện việc chăm sóc tốt hơn đời sống người có công. Xã hội hoá việc chăm sóc người có công không mà nghĩa là Nhà nước phó mặc cho cộng đồng, cho xã hội mà trái lại, càng xã hội hoá thì vai trò của Nhà nước càng quan trọng. Vai trò của Nhà nước thể hiện ở việc ban hành, định hướng cho các hoạt động của cộng đồng, của xã hội mà hiệu quả. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII của Đảng đã chỉ rõ: Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng coi đã vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân. Và để công tác chăm sóc người có công đạt kết quả, phát huy đầy đủ khả năng, sức mạnh của cộng đồng, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền để các cấp các ngành các địa phương và các cá nhân nâng cao nhận thức về bổn phận, trách nhiệm thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa. Triển khai và duy trì thực hiện các chương trình chăm sóc người có công và các hình thức chăm sóc khác phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương.

Từng làng xã phải nắm chắc số lượng, hoàn cảnh của người có công (thông qua chính quyền đoàn thể các cấp) để mà kế hoạch giúp đỡ thiết thực và phản ánh đến các cơ quan nhà nước mà thẩm quyền những vấn đề cần được pháp luật ưu đãi, điều chỉnh.

Ưu tiên giúp đỡ các đối tượng khó khăn, bố mẹ liệt sĩ gia yếu cô đơn, các gia đình thương binh, bệnh binh nặng theo hướng dẫn của Nhà nước và phù hợp với tình hình của địa phương.

Chú trọng giúp đỡ về vật chất, ổn định về nhà ở, tạo công ăn việc làm để người có công mà khả năng tự vươn lên.

Theo dõi, chăm sóc về sức khỏe kịp thời cho các đối tượng ốm đau, bệnh tật tái phát, hỗ trợ mai táng khi họ qua đời.

Xây dựng và duy trì phong trào xây dựng xã phường làm tốt công tác ưu đãi đối với người có công, trong đó cần coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách cho lĩnh vực này.

Thứ ba: Động viên người có công và gia đình họ nỗ lực vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất.

Quan điểm trên của Đảng và Nhà nước ta xuất phát từ phương châm "Thế kiềng ba chân", cụ thể là: khi triển khai công tác ưu đãi đối với người có công, cần kết hợp chặt chẽ ba nguồn lực: Nhà nước, cộng đồng và bản thân đối tượng hưởng ưu đãi. Sự giúp đỡ từ cộng đồng, sự quan tâm của Nhà nước dù mà nhiệt tình, vô tư đến mấy, cũng chỉ là những sự giúp đỡ mà giới hạn nhất định. Sự giúp đỡ đã là những động lực tạo những cú huých ban đầu, còn việc nắm được nó, vận hành để nó mà hiệu quả phải do người có công thực sự vươn lên, vượt qua khó khăn để chiến thắng hoàn cảnh.

Quan điểm trên của Đảng và Nhà nước ta còn thể hiện sự tin tưởng vào người có công, dù ở hoàn cảnh nào cũng là người công dân gương mẫu. Sự giúp đỡ đúng cách đối với người có công sẽ hạn chế đến mức thấp nhất sự trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, vào cộng đồng xã hội.

Để người có công vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất, việc động viên, cổ vũ, tạo điều kiện giúp đỡ họ ổn định cuộc sống mà vai trò hết sức quan trọng. Bởi vì, mặc dù nhiều người mang thương tật, bệnh tật; nhiều người còn chưa nguôi niềm đau mất mát người thân, nhưng hiểu được tình hình đất nước còn khó khăn, với quyết tâm vượt qua đời nghèo, những người có công đã nỗ lực vươn lên, tìm cho mình một việc làm phù hợp, cải thiện và nâng cao đời sống cho bản thân và gia đình họ. Chính sự nỗ lực này mà những ưu đãi của Nhà nước, sự động viên tiếp sức của cộng đồng, quyết tâm của người có công mới trở thành hiện thực.

Với quan điểm quần chúng sâu sắc đã, Bác Hồ đã nhắc nhở: "Thương binh, bệnh binh nỗ lực phấn đấu để xứng đáng là những người công dân kiểu mẫu và gia đình liệt sĩ mãi mãi xứng đáng là gia đình cách mạng gương mẫu". Và lời dạy "thương binh tàn nhưng không phế" đã trở thành phương châm hành động của thương binh, bệnh binh trong cả nước qua các thời kỳ.

Lòng yêu nước hoà quyện với ý thức công dân đã trở thành điểm tựa để thương binh, gia đình liệt sĩ tiếp nhận và biến những lời dặn dò của Bác thành hiện thực. Hàng chục vạn thương binh trong các cuộc chiến tranh, khi thương lành, bệnh khỏi đã tìm cho mình một công việc phù hợp. Nhiều người chưa một lần gặp Bác, nhưng lời dặn dò của Bác đã giúp các anh và các chị thay đổi cách nghĩ, mở rộng tầm nhìn và thêm nhiều nghị lực để lập nên những chiến công trên trận địa mới.

Hàng triệu ông bố, bà mẹ, người vợ liệt sĩ cùng với việc tiếp tục động viên chồng con lên đường (trả thù nhà, đền nợ nước) vẫn cần mẫn trong công việc hàng ngày của một công dân, của một người lao động. Và khi đất nước mà giặc thì ở hậu phương lại vững vàng "Tay búa, tay súng, tay cày" còn khi giáp mặt với kẻ thù thì "Một tấc đất không

đi, một ly không dời", Còn cái lai quần cũng đánh" để mãi mãi xứng đáng với tám chữ vàng "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang"

Khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, nhiều anh chị em thương binh trên mình còn đầy thương tích vẫn vượt lên những dày vò của thương tật, tìm cho mình một công việc phù hợp để vượt qua cái đăi nghèo, tiếp tục góp phần xây dựng quê hương đất nước. Nhiều thân nhân liệt sĩ tuổi đã cao, sức đã yếu nhưng thông cảm với những khó khăn của đất nước vẫn tần tảo một nắng hai sương để lo cho bản thân và gia đình một cuộc sống tốt đẹp, nuôi dạy con cháu trở thành những công dân tốt của đất nước. Điều đáng nói là ở bất kỳ địa phương nào, trong lĩnh vực nào của đất nước cũng mà những thương binh, thân nhân liệt sĩ, thậm chí một số mà thương tật, bệnh tật nặng tuổi cao trở thành anh hùng, chiến sĩ thi đua, những nhà khoa học, những nhà quản lý mà uy tín, những người làm ăn giỏi trong thời kỳ đổi mới. Họ không chỉ đem lại cuộc sống giàu mà cho gia đình mà còn tạo việc làm cho hàng chục, hàng trăm lao động.

Cùng với việc vươn lên trong cuộc sống, nhiều thương binh bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ vẫn phát huy tốt truyền thống tốt đẹp, được nhân dân tin yêu giao phó những trọng trách ở địa phương...

6.2 Chính sách Ưu đãi xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ

6.2.1 Giai đoạn kháng chiến chống Pháp

Sau khi giành được chính quyền, nhân dân ta với sự lãnh đạo của Đảng phải bắt tay ngay vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thời kỳ này đất nước gặp muôn vàn khó khăn, nhưng Đảng, chính phủ sớm thiết lập một số văn bản pháp luật ưu đãi một số đối tượng có công như thương binh, gia đình liệt sĩ đồng thời động viên toàn dân đẩy lên phong trào toàn dân chăm sóc giúp đỡ các đối tượng này.

Ngày 16/02/1947 Bác Hồ đã ký Sắc lệnh số 20/SL, sau đã bổ sung, sửa đổi bằng Sắc lệnh 242/SL ngày 12/10/1948 quy định tiêu chuẩn xác nhận thương binh, truy tặng "Tử sĩ" thực hiện chế độ "Lương hưu thương tật" đối với thương binh, chế độ "Tiền tuất" đối với gia đình "Tử sĩ". Đây là các văn bản pháp luật đầu tiên nói về ưu đãi đối với người có công ở nước ta. Theo đó Nhà nước còn ban hành nhiều văn bản quy định những nội dung ưu đãi thương binh, bệnh binh, tử sĩ và gia đình tử sĩ và đã mà các phong trào các tổ chức làm công tác thương binh, tử sĩ (sau này gọi là chính sách thương binh, liệt sĩ). Sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, chính sách đối với thương binh, liệt sĩ đã được bổ sung, sửa đổi hết sức cơ bản (Nghị định số 18/NĐ và 19/NĐ ngày 17/11/1954 của liên Bộ Thương binh - Y tế - Quốc phòng - Tài chính và điều lệ ưu đãi thương binh, dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật, Điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ ban hành kèm

theo Nghị định 980/ TTg ngày 27/07/1956 của Thủ tướng Chính phủ) mà các nội dung chủ yếu là:

Ban hành chế độ phụ cấp thương tật 6 hạng (thay thế chế độ hưu bổng thương tật) quy định điều kiện, tiêu chuẩn và chế độ phụ cấp thương tật đối với thương binh, dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật.

Ban hành điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ (kèm theo Nghị định 980/TTg ngày 27/7/1956 của Thủ tướng Chính phủ) thay cho quy định về chế độ với tử sĩ, theo đã Bằng Tổ quốc ghi công do Thủ tướng Chính phủ cấp thay cho Bộ thương binh cựu binh và Bộ quốc phòng cấp.

Quy định tiền tuất một lần và trợ cấp khó khăn cho gia đình liệt sĩ.

Quy định thêm nhiều nội dung ưu đãi thương binh, gia đình liệt sĩ về việc làm, khám chữa bệnh, cung cấp phương tiện chuyên dùng, miễn, giảm giá vé tàu xe, xem văn công chiếu băng.

Quy định về cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ.

Quy định ưu đãi thương binh, gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Quy định hồ sơ thương binh, hồ sơ liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ.

Tổ chức bộ máy thương binh cựu binh

Thành lập trong mỗi khu kháng chiến một Sở thương binh cựu binh, nhằm đảm bảo cho tổ chức của quân đội được gọn nhẹ, tập trung vào nhiệm vụ chiến đấu.

Cùng với các chính sách trên đây, Nhà nước đã chủ động phát động phong trào toàn dân giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ như dân thương binh về làng, giúp binh sĩ tử nạn, lập quỹ tình nghĩa... thể hiện lòng hiếu nghĩa, bác ái.

Tóm lại, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tuy hoàn cảnh đất nước còn nghèo, Nhà nước đã ban hành một số văn bản pháp luật thể hiện sự ưu đãi đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, giải quyết được những yêu cầu cấp bách nhất, đồng thời đưa ra chủ trương hết sức đúng đắn là chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ phải dựa vào sự thương yêu bác ái của nhân dân.

6.2.2 Giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (từ 1954 đến thống 04/1975)

Ngày 30/10/1964, Hội đồng chính phủ ban hành Nghị định số 161/CP Điều lệ ưu đãi quân nhân, quân nhân dự bị, quân nhân tự vệ bị thương, bị chết... đánh dấu sự ra đời của chính sách thương binh liệt sĩ thời kỳ chống Mỹ, với những nội dung chủ yếu là:

Quy định chế độ trợ cấp thương tật 8 hạng đối với quân nhân, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ và công nhân viên chức bị thương trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc làm nhiệm vụ và được chia làm 2 loại: loại A (bị thương vì chiến đấu với địch, anh dũng làm

nhiệm vụ được nêu gương cho chiến sỹ học tập) và loại B (bị thương trong luyện tập quân sự, trong công tác, trong học tập, trong lao động và sản xuất).

Quy định chế độ tiền tuất liệt sỹ bao gồm trợ cấp một lần và trợ cấp hàng tháng.

Các nội dung ưu đãi về giáo dục đào tạo, dạy nghề, việc làm, y tế, đi lại... vẫn được duy trì và bổ sung.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn ỏ liệt, chính sách đối với thương binh liệt sỹ lại được bổ sung, sửa đổi, mà những nội dung chính là:

Bổ sung đối tượng xác nhận, thương binh liệt sỹ bao gồm thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, lực lượng vận tải, cán bộ chủ chốt xã, y tế xã.

Quy định các hướng giải quyết việc làm cho thương binh, đào tạo, tuyển dụng, quy định các cơ quan, xí nghiệp mà trách nhiệm tiếp nhận thương binh vào làm việc.

Sửa đổi một số điểm trong chính sách đãi ngộ thương binh, gia đình liệt sỹ cho phù hợp hoàn cảnh và tính chất toàn dân kháng chiến chống Mỹ.

Xác định rõ mục đích, yêu cầu, phương châm để Nhà nước, nhân dân và đối tượng được hưởng cùng làm cũng như trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân đối với công tác thương binh liệt sỹ. Chính sách thương binh liệt sỹ, chính sách đối với người hoạt động kháng chiến, hoạt động cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ với chế độ trợ cấp thương tật 8 hạng, chính sách đối với quân nhân, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, lực lượng vận tải, cán bộ chủ chốt xã, y tế xã... bị thương và chế độ tiền tuất đối với thân nhân liệt sỹ (gồm trợ cấp một lần và trợ cấp hàng tháng) do ngân sách Trung ương bảo đảm.

Tuy nhiên, ở thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1964), chính sách ưu đãi đã bộc lộ những bất hợp lý, trong đó có một số vấn đề khá gay gắt. Chẳng hạn như đối với thương binh, mức khởi điểm để hưởng trợ cấp ưu đãi là mất sức lao động 15%, không phù hợp với điều kiện lao động chung gây khó khăn cho thương binh và thiếu công bằng trong thực hiện chính sách. Cách chia hạng thương tật để hưởng trợ cấp còn quá chênh lệch (5 hạng thương tật ứng với tỷ lệ mất sức lao động 100%, 70%, 40%, 25%, 15%). Đối với gia đình liệt sỹ chưa mà quy định trợ cấp hàng tháng nên họ gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống đặc biệt là cha, mẹ liệt sỹ già yếu, mất sức lao động, con liệt sỹ mồ côi, không nơi nương tựa. Tuy Nhà nước mà quy định xét trợ cấp khó khăn cho các gia đình liệt sỹ nói trên nhưng chưa kịp thời (phải do cấp tỉnh quyết định). Mức trợ cấp lại quá thấp (20 đồng/ người) trong khi mức trợ cấp của dân quân, du kích bị thương hạng 3 mất 40% sức lao động là 10,5 đồng/ tháng.

Đến giai đoạn sau (1965 - 1975) do tính chất cuộc chiến tranh chống Mỹ bước vào giai đoạn gay go, ác liệt, việc ưu đãi đối với người có công càng được đề cao hơn. Các

văn bản pháp luật ưu đãi được bổ sung, hoàn thiện một bước để phục vụ nhiệm vụ chính trị. Đáng chú ý là Nghị định 161/CP ngày 30/10/1964 kèm theo điều lệ tạm thời về chế độ đãi ngộ đối với quân nhân, dân quân du kích với việc quy định chế độ thương tật mới là 8 hạng, mức độ khởi điểm là 21%. Quy định chế độ tiền tuất mới gồm tiền tuất hàng tháng và tiền tuất một lần đối với gia đình liệt sĩ, bố mẹ liệt sĩ già yếu, cô đơn, con liệt sĩ mồ côi, được trợ cấp cao hơn những trường hợp khác. Đồng thời, Nhà nước còn ban hành những văn bản pháp luật thể hiện trách nhiệm chăm sóc người có công cho các cấp, các ngành thực hiện như: quy định các cơ quan, xí nghiệp phải nhận thương binh theo tỷ lệ 5% biên chế; quy định ưu đãi trong giáo dục, đào tạo; quy định việc tổ chức các cơ sở sản xuất kinh doanh riêng cho thương binh, bệnh binh; quy định các chế độ khám chữa bệnh, miễn giảm tiền tàu xe, vé xem văn công, chiếu bóng...

Mà thể núi, chính sách ưu đãi người có công trong giai đoạn này đã phát triển tương đối toàn diện. Vì vậy đã góp phần to lớn động viên, khích lệ cán bộ, chiến sỹ, nhân dân hăng hái trong chiến đấu, hết lòng chi viện sức người, sức của cho Miền Nam, thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tuy vậy, chính sách ưu đãi xã hội ở thời kỳ này còn mà những hạn chế như thiếu đồng bộ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, tính pháp lý chưa cao. Ví dụ: Thông tư 51/TTg-NC ngày 17/05/1965 của Hội đồng Chính phủ, quy định các cơ quan, xí nghiệp phải tiếp nhận 5% biên chế là thương binh, nhưng thiếu quy định về chế độ lao động, tiền lương, chưa mà quy định bảo đảm cho cơ quan, xí nghiệp mà thể tiếp nhận thương binh hoặc không tiếp nhận thương binh cũng chưa mà quy định xử phạt. Hoặc quy định việc miễn, giảm giá vé tàu xe cho tất cả thương binh nhưng cũng không quy định số lần đi xe được giảm giá vé... Điều này đã gây không ít tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách.

6.2.3 Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1985

Sau khi hoà bình lập lại trên cả nước, do hoàn cảnh lịch sử, cho nên hệ thống chính sách ưu đãi xã hội lại phải tiếp tục hoàn thiện và cụ thể là:

Tiến hành xác nhận và thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ ở Miền Nam theo Nghị định 08/NĐ - 76 ngày 17/06/1976 của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hoà Miền Nam Việt Nam. Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xác nhận thương binh, liệt sĩ, chế độ trợ cấp và các chế độ ưu đãi đối với những người do tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến mà bị thương, hy sinh trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ở các tỉnh phía Bắc, Nhà nước chủ trương giải quyết một số vấn đề nổi cộm về chính sách thương binh, liệt sĩ do lịch sử để lại như: chuyển một số thương binh, thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp một lần sang hưởng trợ cấp hàng tháng; thống nhất chế độ tiền tuất đối với thân nhân liệt sĩ các thời kỳ (Thông tư số 24/LĐTBXH ngày 19/03/1984 của Bộ